

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN**  
**THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (LẦN 2)**  
**Học kỳ 2, năm học 2023-2024**

**I. Thông tin chung**

Tên học phần:	Đại cương bảo hiểm và quản trị rủi ro		
Mã học phần:	DFB0020	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	232_DFB0020_01		
Hình thức thi: <b>Trắc nghiệm kết hợp Tự luận</b>	Thời gian làm bài:	<b>60</b>	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

**1. Format đề thi**

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:

**2. Giao nhận đề thi**

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: [khaothivanlang@gmail.com](mailto:khaothivanlang@gmail.com) bao gồm file word và file pdf (**nén lại và đặt mật khẩu file nén**) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

## II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Phân loại các rủi ro của cá nhân và tổ chức	Trắc nghiệm + Tự luận	35%	1, 2, 3, 4, 5, 6,7, 8 và câu tự luận 2	4.8	PI 4.2
CLO 2	Lựa chọn các sản phẩm bảo hiểm phù hợp trên thị trường	Trắc nghiệm và tự luận	35%	Các câu còn lại	5.2	PI 4.2
CLO 3	Vận dụng tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề để nhận diện rủi ro và lựa chọn sản phẩm bảo hiểm phù hợp	Trắc nghiệm + Tự luận	10%			PI4.2
CLO 4	Trình bày kết quả lựa chọn sản phẩm bảo hiểm phù hợp bằng lời nói, văn bản hiệu quả	Trắc nghiệm + Tự luận	10%			
CLO 5	Có ý thức học tập suốt đời	Trắc nghiệm + Tự luận	10%			PI10.2

## III. Nội dung câu hỏi thi

### PHẦN TRẮC NGHIỆM (20 câu + 0.4 điểm/câu hỏi)

Câu 1: “Hệ thống dây điện trong tòa nhà bị lỗi làm tăng nguy cơ hỏa hoạn”. Đây là một ví dụ về loại nguy cơ nào?

- A. Nguy cơ vật chất
- B. Nguy cơ đạo đức
- C. Nguy cơ thái độ
- D. Nguy cơ pháp lý

ANSWER: A

Câu 2: “Theo Rejda (2014): Rủi ro là sự không chắc chắn liên quan đến việc xảy ra tổn thất”. Vậy trong rủi ro trong bảo hiểm nhân thọ là gì?

- A. Khi nào người được bảo hiểm chết
- B. Người được bảo hiểm chưa chắc chết
- C. Khi nào người thụ hưởng chết
- D. Người thụ hưởng chưa chắc sẽ chết

ANSWER: A

Câu 3: 15.000 căn nhà được bảo hiểm, xác suất cháy là 1.2%, tức trung bình ước tính 1 năm có khoảng 180 căn nhà bị cháy, nhưng trên thực tế thì có thể 120 hoặc 240 căn bị cháy, hay 10%. Vậy rủi ro khách quan là bao nhiêu?

- A. 33.33%%
- B. 35.67%
- C. 40%
- D. 56%

ANSWER: A

Câu 4: Đặc điểm của một tổn thất ngẫu nhiên bao gồm điều nào sau đây?

- I. Tổn thất chắc chắn xảy ra.
  - II. Tổn thất xảy ra do ngẫu nhiên.
- A. II
  - B. I
  - C. I và II đều đúng.
  - D. Không đáp án nào đúng

ANSWER: A

Câu 5: Khi có tai nạn xảy ra với vận động viên trong cuộc thi chạy marathon 2024, để giảm thiểu các thiệt hại về người, ban tổ chức đã đưa những vận động viên bị thương đi cấp cứu kịp thời và điều trị. Đây là loại biện pháp kiểm soát rủi ro gì?

- A. Giảm thiểu tổn thất
- B. Ngăn ngừa tổn thất
- C. Tránh né rủi ro
- D. Cả 3 câu đều đúng

ANSWER: A

Câu 6: Đây là cách xác định, nhận diện rủi ro trong doanh nghiệp?

- A. Tất cả đáp án đúng
- B. Kiểm tra thực tế
- C. Dựa vào dữ liệu lịch sử
- D. Quan sát xu hướng

ANSWER: A

Câu 7: Phát biểu nào sau đây không chính xác về đặc điểm của một rủi ro được bảo hiểm?

- A. Tổn thất phải xác định được và không đo lường được
- B. Tổn thất phải là ngẫu nhiên và do vô ý
- C. Tổn thất không phải là thảm khốc
- D. Khả năng gây tổn thất phải ước lượng được

ANSWER: A

Câu 8: Phát biểu nào sau đây đúng về đặc điểm của bảo hiểm:

- A. Bảo hiểm thực hiện việc san sẻ rủi ro.
- B. Bảo hiểm thực hiện việc bồi thường thiệt hại khi kết thúc hợp đồng.
- C. Bảo hiểm đảm bảo chi trả cho tất cả những tổn thất của người mua bảo hiểm kể cả ngẫu nhiên và cố ý

D. Công ty bảo hiểm chuyên rủi ro cho người mua bảo hiểm.

Câu 9: Bên mua bảo hiểm là

- A. Tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng bảo hiểm với doanh nghiệp bảo hiểm và đóng phí bảo hiểm
- B. Tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng bảo hiểm với nhà tái bảo hiểm và đóng phí bảo hiểm.
- C. Tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng bảo hiểm với đại lý bảo hiểm và đóng phí bảo hiểm.
- D. Tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng bảo hiểm với môi giới bảo hiểm và đóng phí bảo hiểm.

ANSWER: A

Câu 10: Tháng 4/2020, FWD mua lại Vietcombank Cardif là:

- A. Sáp nhập
- B. Tích hợp
- C. Tất cả đều đúng
- D. Tất cả đều sai

ANSWER: A

Câu 11: Doanh nghiệp bảo hiểm có nghĩa vụ:

- A. Tất cả đáp án đúng
- B. Trả tiền bảo hiểm kịp thời cho người thụ hưởng hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.
- C. Giải thích bằng văn bản lý do từ chối trả tiền bảo hiểm.
- D. Giải thích cho bên mua bảo hiểm về các điều kiện, điều khoản bảo hiểm; quyền, nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm

ANSWER: A

Câu 12: Anh G mua bảo hiểm vật chất xe từ ba công ty bảo hiểm: PTI, Bảo Minh, Bảo Việt. Vậy khi xảy ra sự kiện, số tiền bồi thường cộng lại từ ba công ty này sẽ như thế nào?

- A. Không nhiều hơn số tiền tổn thất thực tế
- B. Nhiều hơn gấp đôi số tiền tổn thất thực tế
- C. Có thể nhiều hơn số tiền tổn thất thực tế
- D. Tất cả đáp án đúng

ANSWER: A

Câu 13: Anh T mua bảo hiểm nhân thọ từ ba công ty bảo hiểm: PTI, Bảo Minh, Bảo Việt với số tiền là 4 tỷ từ mỗi công ty Bảo hiểm. Trong hợp đồng Anh T là người được bảo hiểm và người thụ hưởng là vợ của anh Tom. Vậy điều gì sẽ xảy ra nếu anh ấy mất trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng và không vi phạm các điều khoản của hợp đồng?

- A. Vợ anh T sẽ nhận được số tiền từ cả ba công ty Bảo hiểm là 12 tỷ VND.
- B. Vợ anh T sẽ nhận được số tiền từ một trong ba công ty Bảo hiểm là 12 tỷ VND
- C. Vợ anh T chỉ được nhận được số tiền không nhiều hơn số tiền tổn thất thực tế
- D. Tất cả đáp án đúng

ANSWER: A

Câu 14: Đặc điểm nào sau đây khi nói đến Bảo hiểm tử kỳ?

- A. Tất cả đáp án đúng
- B. Không có giá trị tiền mặt tích lũy
- C. Có thể chuyển đổi thành bảo hiểm nhân thọ trọn đời

D. Có giá trị trong một khoảng thời gian nhất định.

ANSWER: A

Câu 15: Điều là khẳng định đúng khi nói đến Bảo hiểm nhân thọ trọn đời?

A. Có giá trị hiệu lực từ lúc mua cho đến khi người được bảo hiểm qua đời

B. Có giá trị hiệu lực từ lúc mua cho đến khi người thụ hưởng qua đời

C. Có phí bảo hiểm đóng thấp hơn bảo hiểm tử kỳ

D. Tất cả đáp án đúng

ANSWER: A

Câu 16: Bà Elly, 30 tuổi. Dựa trên kế hoạch nghỉ hưu ở tuổi 65, bà Elly dự định duy trì thu nhập hàng năm là 70,000 USD, trong khi chi phí sinh hoạt, bao gồm cả thuế, nhu cầu cá nhân, tiền bảo hiểm, ước tính là 25,000 USD/năm. Tỷ lệ chiết khấu được xác định là 8%. Xác định giá trị cuộc sống của bà Elly theo phương pháp tiếp cận giá trị dòng đời là bao nhiêu?

A. \$524,455.57

B. \$500,208.68

C. \$487,288.98

D. \$500,207.77

ANSWER: A

Câu 17: Trích số liệu trong bảng tử vong dành cho nam của một công ty bảo hiểm nhân thọ như sau:

ĐỘ TUỔI	SỐ SỐNG	SỐ TỬ VONG
35	86.302.087	62.358

Công ty bảo hiểm có hợp đồng bảo hiểm tử kỳ một năm với số tiền mỗi đơn là \$1.000 nếu xảy ra sự kiện bảo hiểm, lãi suất là 5%/năm. Xác định phí bảo hiểm thuần mà mỗi người mua bảo hiểm đóng góp vào năm 35 tuổi là bao nhiêu?

A. \$0,69

B. \$0,71

C. \$1,25

D. \$1,36

ANSWER: A

Câu 18: Điều là khái niệm đúng về Bảo hiểm hàng hải (Ocean marine insurance)

A. Cung cấp sự bảo vệ cho hàng hóa vận chuyển bằng đường thủy (trên mặt nước); bảo hiểm về thân tàu (hull) và hàng hóa trên tàu (cargo).

B. Cung cấp sự bảo vệ cho hàng hóa vận chuyển bằng đường sắt

C. Cung cấp sự bảo vệ cho hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ

D. Cung cấp sự bảo vệ cho hàng hóa vận chuyển bằng đường hàng không

ANSWER: A

Câu 19: Mức trợ cấp thất nghiệp hàng tháng:

A. Mức hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng bằng 60% mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của 06 tháng liền kề trước khi thất nghiệp.

B. Mức hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng bằng 60% mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp.

C. Mức hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng bằng 65% mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của 06 tháng liền kề trước khi thất nghiệp.

D. Mức hưởng trợ cấp thất nghiệp hằng tháng bằng 70% mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của 06 tháng liền kề trước khi thất nghiệp.

ANSWER: A

Câu 20: Thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp được quy định như sau:

A. Nếu đóng đủ 12 tháng đến đủ 36 tháng bảo hiểm thất nghiệp thì được hưởng 3 tháng trợ cấp thất nghiệp.

B. Nếu đóng đủ 12 tháng đến đủ 36 tháng bảo hiểm thất nghiệp thì được hưởng 2 tháng trợ cấp thất nghiệp.

C. Nếu đóng đủ 12 tháng đến đủ 36 tháng bảo hiểm thất nghiệp thì được hưởng 1 tháng trợ cấp thất nghiệp

B. Nếu đóng đủ 12 tháng đến đủ 36 tháng bảo hiểm thất nghiệp thì được hưởng 4 tháng trợ cấp thất nghiệp.

ANSWER: A

### **PHẦN TỰ LUẬN (02 câu hỏi + thang điểm từng câu hỏi)**

#### **Câu hỏi 1: (0.4 điểm)**

**Liệt kê cụ thể tối thiểu 4 nhân tố ảnh hưởng đến Phí bảo hiểm xe ô tô?**

#### **Câu hỏi 2: (1.6 điểm)**

**Trong quy trình quản trị rủi ro, sau khi xác định và nhận diện rủi ro gây tổn thất, cá nhân và doanh nghiệp sẽ đo lường và phân tích rủi ro, hãy cho biết đo lường trong bước này cụ thể là đo lường các yếu tố nào? Và hãy cho biết có bao nhiêu nhóm kỹ thuật quản trị rủi ro? Liệt kê cụ thể các kỹ thuật trong từng nhóm đó?**

## ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
<b>I. Trắc nghiệm</b>		<b>8.0</b>	
Câu 1 – 20		0.4	
<b>II. Tự luận</b>		<b>2.0</b>	
Nội dung Câu 1	Phí phụ thuộc vào loại xe, thời gian sử dụng xe, mục đích sử dụng xe, khu vực giữ xe và để xe, tuổi tác giới tính kinh nghiệm lái xe của người yêu cầu bảo hiểm và người sử dụng, số tiền bảo hiểm	<b>0.4</b>	
Nội dung Câu 2.		<b>1.6</b>	
	Đo lường: Tần suất và mức độ của tổn thất	0.2	
	Có 2 nhóm kỹ thuật quản trị rủi ro	0.2	
	Liệt kê: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tránh rủi ro</li> <li>• Phòng ngừa tổn thất</li> <li>• Giảm mức độ tổn thất</li> <li>• Giữ lại rủi ro</li> <li>• Chuyển giao rủi ro</li> <li>• Mua bảo hiểm</li> </ul>	1.2	
	<b>Điểm tổng</b>	<b>10.0</b>	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề




**ThS. Lê Thị Mỹ Duyên**

**ThS. Lê Ngọc Nhân Ái**